

GIẢNG DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

TRỊNH THỊ THU HIỀN *

Tóm tắt: Trong bối cảnh quan hệ quốc tế và giao lưu văn hóa giữa Việt Nam với các nước trên thế giới ngày càng phát triển, việc dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ đã trở thành một nhu cầu thiết thực với nhiều mục đích khác nhau. Từ thực tế đó, việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài hiện nay đang trở thành một xu hướng phổ biến. Trong ba lĩnh vực chính của chương trình học tiếng Việt là Ngữ âm, Từ vựng và Ngữ pháp, thì việc học Ngữ pháp là một lĩnh vực rất quan trọng, là mô hình cho việc ứng dụng từ vựng tiếng Việt trong giao tiếp. Bài viết đề cập đến một số phương pháp giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt theo mục đích cho người nước ngoài.

Từ khóa: Phương pháp, tiếng Việt, ngữ pháp, mục đích.

Abstract: In the context of international relations and cultural exchanges between Vietnam and other countries around the world are increasingly developing, teaching and learning Vietnamese as a foreign language have become a practical need with many purposes. From this reality, teaching Vietnamese to foreigners is now becoming a popular trend. Among the three main areas of the Vietnamese learning program, including Phonetics, Vocabulary and Grammar, Grammar is a very important area, a model for the application of Vietnamese vocabulary in communication. The article mentions some methods of teaching Vietnamese grammar according to the purposes for foreigners.

Keywords: Method, Vietnamese, grammar, purpose.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế và giao

lưu văn hóa giữa Việt Nam với các nước trên thế giới ngày càng phát triển, việc dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ đã trở thành một nhu cầu thiết thực với nhiều mục đích.

Từ thực tế đó, việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài hiện nay đang trở thành một xu hướng phổ biến. Trong ba lĩnh vực chính của chương trình học tiếng Việt là Ngữ âm, Từ vựng và Ngữ pháp, Ngữ pháp là một lĩnh vực rất quan trọng, là mô hình cho việc ứng dụng từ vựng tiếng Việt trong giao tiếp. Bài viết đề cập đến một số phương pháp giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt theo mục đích cho người nước ngoài, từ đó ứng dụng thực tiễn vào việc biên soạn và sử dụng *Sổ tay Ngữ pháp tiếng Việt thực hành dành cho người nước ngoài học tiếng Việt*¹.

2. Đối tượng và mục đích học tiếng việt

Hiện nay, Việt Nam đang từng bước hội nhập với thế giới, đồng thời với việc rất nhiều quốc gia đã và đang đầu tư vào Việt Nam, dẫn tới số lượng người nước ngoài tới Việt Nam học tập, làm việc và sinh sống ngày càng tăng, với các nhóm và mục đích học khác nhau, nhưng tựu trung lại bao gồm bốn nhóm chính là: (1) Nhóm học sinh - sinh viên; (2) Nhóm người làm việc tại Việt Nam;

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: mebinbong19a@gmail.com

(3) Nhóm có thân nhân làm việc tại Việt Nam; (4) Nhóm khách du lịch.

Mặc dù tất cả đều được gọi chung là người nước ngoài học tiếng Việt như một ngoại ngữ, song việc nhận định, tìm hiểu về đặc điểm của mỗi nhóm là rất quan trọng đối với mỗi giáo viên dạy tiếng Việt, bởi điều đó giúp cho người dạy nắm bắt được mục đích học tập của mỗi nhóm học, từ đó có thể thiết kế được các cách giảng dạy phù hợp với mỗi nhóm học và mỗi mục đích học tương ứng, đặc biệt là dạy ngữ pháp tiếng Việt - mô hình ứng dụng từ vựng tiếng Việt cho giao tiếp.

2.1. Đặc điểm và mục đích của nhóm học sinh - sinh viên

Đây là nhóm có số lượng khá đông, với đủ các trình độ. Theo đánh giá của Cục Hợp tác Quốc tế tại Hội nghị tổng kết công tác tiếp nhận, đào tạo, quản lý lưu học sinh nước ngoài giai đoạn 2016-2021 và phương hướng thực hiện giai đoạn 2022-2030 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức ngày 19.8.2022, lưu học sinh nước ngoài học tập ở Việt Nam chủ yếu là trình độ đại học và các khóa ngắn hạn. Số lượng lưu học sinh học trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ khá khiêm tốn.

Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập tới 3 nhóm đối tượng là: học sinh chuẩn bị thi vào đại học ở Việt Nam (dự bị đại học), sinh viên học đại học tại các trường đại học ở Việt Nam và sinh viên trao đổi giữa các trường đại học ở nước ngoài và Việt Nam (khóa ngắn hạn).

a. Nhóm dự bị đại học (foundation course students)

Nhóm các học sinh vừa hoặc đã tốt nghiệp bậc trung học phổ thông, cần chuẩn bị cho việc học tập cũng như nắm được kiến thức, kỹ năng và yêu cầu của bậc đại học để du học tại Việt Nam.

Đối với nhóm đối tượng này, các học sinh cần phải đáp ứng được yêu cầu đầu vào về ngôn ngữ (tiếng Việt) ít nhất là trình độ B2 (bậc 4/6) trở lên để có thể tiếp thu được toàn

bộ kiến thức ở bậc đại học tại Việt Nam. Chính vì vậy, mục đích chính của nhóm này là học dự bị tiếng Việt tại các cơ sở giáo dục đào tạo dự bị tiếng Việt để thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài.

b. Nhóm sinh viên nước ngoài học tại các trường đại học ở Việt Nam

Vì là sinh viên đại học, nên trình độ tiếng Việt của nhóm này đã đạt được ít nhất trình độ B2, vì vậy, mục đích chính của nhóm này là học các chuyên ngành bậc đại học bằng tiếng Việt và thi hoặc làm khóa luận để nhận bằng tốt nghiệp đại học như các sinh viên Việt Nam.

c. Nhóm sinh viên trao đổi (international mobility for students)

Đây là nhóm sinh viên nước ngoài thuộc chương trình trao đổi học thuật hoặc văn hóa hợp tác giữa các trường đại học đối tác trên thế giới với các trường đại học ở Việt Nam trong một khoảng thời gian ngắn để trải nghiệm văn hóa, học tiếng Việt hoặc/và trau dồi, cải thiện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt. Kết quả học tập sẽ được ghi nhận trực tiếp vào bảng điểm kết quả học tập tại Việt Nam sau khi khóa học kết thúc.

2.2. Đặc điểm và mục đích của nhóm làm việc tại Việt Nam

Nhóm này gồm ba nhóm chính: Nhóm có trình độ đại học, trên đại học và chuyên gia kỹ thuật; nhóm có trình độ chứng chỉ nghề và nhóm lao động tự do.

a. Nhóm có trình độ đại học, trên đại học và chuyên gia kỹ thuật

Đây là nhóm lao động nước ngoài trình độ cao, có thể phân thành hai nhóm nhỏ: (1) Nhóm lao động (thường là nam giới, độ tuổi chủ yếu trên 30), nắm giữ các vị trí quản lý trong các công ty thuộc các tập đoàn lớn như Samsung, Formura, Toyota, Honda,... hay các công ty nước ngoài nhỏ, công ty liên

doanh hoặc các nhà máy xuất khẩu; và (2) Nhóm lao động (giới tính và độ tuổi không giới hạn) thường làm việc trong các ngành dịch vụ như giáo dục, y tế,...

Đối với nhóm thứ nhất, mặc dù trong công việc hầu hết đều có các phiên dịch bằng ngôn ngữ bản địa hoặc ngôn ngữ của quốc gia đó trợ giúp, song, vì làm việc và sống tại Việt Nam nên một số ít sẽ học tiếng Việt để nhận chứng chỉ đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo; còn lại đa số chỉ học tiếng Việt để thi OPIc tiếng Việt (Vietnamese Oral Proficiency Interview by Computer) là bài thi năng lực nói tiếng Việt qua phỏng vấn với máy tính.

Đối với nhóm thứ hai, đại đa số đều có mục đích học tiếng Việt để có thể sử dụng đủ 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết trong công việc, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục (dạy tiếng Anh, Hàn, Nhật, Trung, Đức,...) tại các trường học quốc tế tại Việt Nam, nên mục tiêu chính là đạt được chứng chỉ đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Nhóm có trình độ chứng chỉ nghề

Đây là nhóm lao động kỹ thuật thường có bằng tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật hoặc chuyên ngành khác với thời gian đào tạo 1 đến 2 năm, nên mục đích học tiếng Việt là để giao tiếp trong công việc và sinh hoạt tại Việt Nam, vì vậy cần chứng chỉ đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở trình độ B2 để tìm cơ hội việc làm tốt hơn.

c. Nhóm lao động tự do

Đây là nhóm lao động ở mọi độ tuổi, không phân biệt giới tính, chủ yếu kinh doanh các dịch vụ nhỏ lẻ như nhà hàng, quán ăn, quán cà phê, hiệu làm đẹp,... nên mục đích chính là có thể giao tiếp thành thạo với người Việt Nam để có thể tìm hiểu văn hóa, nhu cầu, thị hiếu của người Việt Nam, từ đó tiếp

cận, mở rộng quan hệ và gần gũi hơn với khách hàng Việt Nam.

2.3. Đặc điểm và mục đích của nhóm có thân nhân làm việc tại Việt Nam

Nhóm người này chủ yếu là thân nhân những người đang làm việc tại Việt Nam, nên đa số là nội trợ hoặc đã về hưu, hay còn nhỏ, vì vậy mục đích học tiếng Việt chỉ là để giao tiếp trong đời sống hàng ngày, nên chủ yếu muốn học nghe nói tiếng Việt thạo.

2.4. Đặc điểm và mục đích của nhóm khách du lịch tại Việt Nam

Cùng với số lượng khách du lịch nước ngoài tới Việt Nam ngày càng đông, rất nhiều người nước ngoài trước và trong khi du lịch ở Việt Nam đã tìm học tiếng Việt trực tuyến hoặc ngay tại Việt Nam với mục đích tìm hiểu về đất nước và con người Việt Nam trong quá trình du lịch.

3. Giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt theo mục đích sử dụng

Người nước ngoài học tiếng Việt luôn nhận xét học tiếng Việt khó nhất là phát âm đúng 6 thanh điệu và vận dụng ngữ pháp tiếng Việt trong giao tiếp.

Tuy nhiên, nếu so sánh về mức độ phức tạp của ngữ pháp, so với tiếng Anh, Hàn, Nhật, Pháp, Nga,... ngữ pháp tiếng Việt không quá “phong ba bão táp”, bởi tiếng Việt là ngôn ngữ đơn tiết, không phân biệt về giống/số/cách, không có mạo từ xác định, các danh từ không chia số nhiều số ít, không có các dạng khác nhau của động từ theo các ngôi/thời/thể, các thì trong tiếng Việt rất đơn giản chỉ với 5 phụ từ *đã* (quá khứ), *mới* - *vừa* (gần hiện tại), *đang* (hiện tại bây giờ), *sắp* (tương lai gần), *sẽ* (tương lai).

Trước nay, việc giảng dạy ngữ pháp cho người nước ngoài học tiếng Việt đã được các nhà nghiên cứu - sư phạm bàn thảo với nhiều dạng tiếp cận, theo tác giả Nguyễn Hồng Cẩn

[1, tr.17], nhìn chung gồm ba dạng là:

(1) Phương pháp diễn dịch (ngữ pháp - dịch), trong đó dành nhiều thời gian giải thích và luyện tập các cấu trúc ngữ pháp độc lập chứ không ứng dụng trong giao tiếp.

(2) Phương pháp quy nạp (trực tiếp: nghe - nói, nghe - nhìn), lại không chú trọng cấu trúc ngữ pháp mà chỉ dạy giao tiếp khẩu ngữ và để học viên tiếp nhận ngữ pháp qua các câu giao tiếp khẩu ngữ đó.

(3) Phương pháp diễn dịch kết hợp quy nạp (giao tiếp), kết hợp cả hoạt động giao tiếp với việc dạy các cấu trúc ngữ pháp có định hướng.

Bài viết này tiếp nhận cả ba phương pháp giảng dạy ngữ pháp này, nhưng phân bổ theo lộ trình học tập tùy vào mục đích sử dụng và thời gian của mỗi nhóm đối tượng, để lựa chọn đúng tài liệu giảng dạy cũng như phương pháp truyền đạt ngữ pháp phù hợp nhằm thiết kế đầu ra và lộ trình học tiếng Việt một cách hiệu quả trong thời gian nhất định.

3.1. Dạy ngữ pháp tiếng Việt cho nhóm học sinh - sinh viên

a. Nhóm dự bị đại học

Với yêu cầu đầu ra của các sinh viên dự bị đại học phải ít nhất là trình độ B2 (bậc 4/6) nên tài liệu giảng dạy trước tiên là các giáo trình tiếng Việt cơ sở, tiếng Việt trình độ B, C và luyện thi theo 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết và phương pháp giảng dạy ngữ pháp cần linh hoạt theo mỗi trình độ. Cụ thể: ở trình độ cơ sở, phương pháp dạy ngữ pháp tốt nhất vẫn là phương pháp quy nạp - trực tiếp. Giáo viên lấy ví dụ minh họa (theo bài hội thoại hoặc thực tế), rồi cung cấp cấu trúc ngữ pháp, dùng ngôn ngữ trung gian (ngoại ngữ) phù hợp để giải thích trường hợp ngữ pháp, rồi cho luyện kỹ các cấu trúc ngữ pháp độc lập với các từ vựng mới, do đây là giai đoạn người học phải tiếp nhận lượng từ vựng tuy đơn giản nhưng vô cùng nhiều. Phương pháp này có xu hướng tự nhiên và mang tính tương

tác cao hơn giữa giáo viên và sinh viên.

Chẳng hạn, với bài học về loại từ của danh từ, mục đích chính ở đây là để học viên nhớ phân biệt được ba loại từ chính *cái*, *con*, *quả* và các trường hợp loại từ đặc biệt cũng như cách sử dụng câu có hệ từ “là + loại từ + danh từ”. Giáo viên có thể đưa ra ví dụ minh họa về câu có vị ngữ “là + loại từ + danh từ” với các dạng cấu trúc câu trần thuật, câu hỏi, câu nghi vấn, câu xác nhận lại. Ví dụ:

Kia là **cái** gì? Kia là **cái** bàn; Kia là **con** gì? Kia là **con** chim; **Quả** kia tiếng Việt gọi là **quả** gì? **Quả** táo; Kia là **tấm** bản đồ, **phải không**? Kia **có phải là bức tranh không**?...

Sau khi giảng giải kỹ về ý nghĩa của từng loại từ với danh từ và các cấu trúc ngữ pháp, giáo viên cho học viên luyện tập kỹ các bài tập về các dạng cấu trúc ngữ pháp này với các loại từ và danh từ mới.

- Ở trình độ nâng cao 1 (B1, B2) và nâng cao 2 (C1, C2), phương pháp dạy ngữ pháp tốt nhất sẽ là kết hợp quy nạp và diễn giải, bởi trình độ này ngoài các cấu trúc ngữ pháp mới, còn có nhiều cấu trúc ngữ pháp cũ đã xuất hiện ở trình độ A1, A2, hoặc nâng cao hơn, hoặc có ý nghĩa tương tự.

Lúc này, giáo viên cho các ví dụ minh họa cho cấu trúc ngữ pháp mới, đưa ra và giải thích cách sử dụng, sau đó tiếp tục đưa ra cấu trúc ngữ pháp đã học, khuyến khích sinh viên dùng phương pháp suy luận từ cấu trúc ngữ pháp đó để thay thế nó vào ví dụ minh họa của cấu trúc ngữ pháp mới nâng cao, từ đó giúp sinh viên vừa hệ thống lại cấu trúc ngữ pháp đã học trước đây, vừa nắm vững được cấu trúc ngữ pháp nâng cao và dạng ngữ pháp mới tương tự.

Tuy nhiên, yêu cầu của học viên không chỉ còn là việc luyện tập lặp đi lặp lại các dạng ngữ pháp đơn lẻ, mà cần phải luyện tập chúng trong tình huống giao tiếp cụ thể và thậm chí cần có sự kết hợp, liên kết giữa các cấu trúc

ngữ pháp theo chủ đề nhất định của bài học (nghe hội thoại, bài đọc, nói, viết đoạn văn, viết topic) để giúp học viên hiểu và biết áp dụng ngữ pháp trong thực tế giao tiếp.

Chẳng hạn, với câu *Anh ấy không những học tiếng Việt mà còn nghiên cứu văn hóa Việt Nam* => cấu trúc ngữ pháp (1) [CN + **không những** ĐT¹ + BN¹ **mà còn** ĐT² + BN²]; và *Ngoài học tiếng Việt, anh ấy còn nghiên cứu văn hóa Việt Nam* => cấu trúc ngữ pháp (3) [Ngoài + ĐT¹ + BN¹, CN + **còn** ĐT² + BN²] - là hai cấu trúc được nâng cao có nghĩa tương tự, nhưng nhấn mạnh của hai cấu trúc ngữ pháp đã xuất hiện ở trình độ A là cấu trúc ngữ pháp (3) [CN + ĐT¹ + BN¹ **và** ĐT² + BN²] và cấu trúc ngữ pháp (4) [CN + **vừa** ĐT¹ + BN¹ **vừa** ĐT² + BN²]. Sinh viên sẽ phải dùng phương pháp diễn dịch để suy luận hai cấu trúc này thành hai ví dụ minh họa tương ứng là *Anh ấy học tiếng Việt và nghiên cứu văn hóa Việt Nam* và *Anh ấy vừa học tiếng Việt vừa nghiên cứu văn hóa Việt Nam*.

Để luyện tập thêm, giáo viên cần giải thích mở rộng cả 4 cấu trúc ngữ pháp (có thể dùng cả với tính từ) và đưa vào một tình huống cụ thể, đồng thời khuyến khích học viên cố gắng sử dụng các cấu trúc đó để đặt thành những câu có sự liên kết về nghĩa theo chủ đề nhất định. Ví dụ:

David chuẩn bị sang Việt Nam để học tiếng Việt, nhưng đây là lần đầu tiên tới Việt Nam nên anh ấy vừa vui vừa lo lắng. Anh ấy không những phải chuẩn bị hồ sơ xin visa mà còn phải chuẩn bị hành lý cho chuyến đi này. Ngoài việc tìm trường ở Việt Nam để học tiếng Việt, David còn phải tìm nhà ở khi sang đó nữa.

- Học và luyện thi về cả 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các dạng bài luyện thi năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài.

b. Nhóm sinh viên nước ngoài học đại học tại Việt Nam

Những đối tượng thuộc nhóm này đều có

trình độ tiếng Việt ít nhất là B2, đại đa số đạt trình độ C1 hoặc C2, nên các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và nhiều cấu trúc ngữ pháp nâng cao trong tiếng Việt đã được sử dụng thành thạo, vì vậy tài liệu học tiếng Việt của nhóm này sẽ là các giáo trình chuyên đề khác nhau bằng tiếng Việt theo chuyên ngành giống như sinh viên Việt Nam; phương pháp dạy ngữ pháp phù hợp vẫn là phương pháp quy nạp, giúp sinh viên tự mình tìm hiểu và khám phá ra các cấu trúc ngữ pháp.

c. Nhóm sinh viên trao đổi

Đây thường là các sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba đại học, có trình độ tiếng Việt từ C trở lên, nên tài liệu dạy thường là sách chuyên đề tương tự như đối với sinh viên nước ngoài học đại học năm thứ 3 ở các trường đại học ở Việt Nam, trong đó có các cấu trúc ngữ pháp từ trung cấp đến cao cấp trong các bài giảng chuyên đề chuyên sâu hơn. Vì thế, phương pháp giảng dạy ngữ pháp quy nạp rất hữu ích. Từ bài đọc, hoặc bài nghe, các em có thể tự khám phá ra các cấu trúc ngữ pháp trong nhiều tình huống liên quan tới chuyên ngành học của bản thân, từ đó sử dụng trong giao tiếp chuyên môn, trong bài luận hoặc trao đổi thảo luận.

Ngoài dạy ngữ pháp, trật tự từ, câu và ngữ nghĩa, còn cần phải dạy cả về ngữ dụng để nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt thực sự thông thạo.

3.2. Dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người làm việc ở Việt Nam

a. Nhóm làm việc có trình độ đại học, trên đại học và chuyên gia kỹ thuật

Trong nhóm này, một phần đông giữ các vị trí quản lý, các chuyên gia kỹ thuật làm việc trong các tập đoàn, công ty, nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài thường có nhu cầu học tiếng Việt với mục đích nghe nói thành thạo trong giao tiếp công việc, nên mục tiêu học tiếng Việt là để nhận chứng chỉ OPI tiếng

Việt (Vietnamese Oral Proficiency Interview by Computer) là bài thi năng lực nói tiếng Việt qua phỏng vấn với máy tính trong thời gian 60 phút.

Tài liệu học sẽ là các giáo trình luyện OPI gồm các bài học được phân bố theo các chủ đề sẽ được hỏi thi trong bài thi phỏng vấn với đủ các bậc cơ bản, trung cấp, cao cấp. Vì vậy, cách tốt nhất là người học buộc phải học xong ít nhất hết trình độ B1 (nhưng chủ yếu chỉ luyện thực hành ngữ pháp hai kỹ năng nghe và nói) để được học ngữ pháp một cách hệ thống, sau đó có thể luyện thi OPI theo giáo trình này, giúp hiểu thêm về cách sử dụng và tự vận dụng ngữ pháp đó theo cách hiểu và sáng tạo của mình.

a. Nhóm có chứng chỉ nghề

Đây là nhóm lao động kỹ thuật làm việc tại các nhà máy, công ty nước ngoài tại Việt Nam, học tiếng Việt để thuận lợi khi giao tiếp trong công việc với đồng nghiệp và trong sinh hoạt. Tuy nhiên, đa phần đều muốn học tiếng Việt để lấy chứng chỉ B2 đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tìm cơ hội việc làm tốt hơn. Vì vậy, việc áp dụng phương pháp dạy ngữ pháp tiếng Việt cho nhóm này cũng tương tự như với nhóm sinh viên dự bị đại học.

b. Nhóm lao động tự do

Đây là nhóm lao động chủ yếu kinh doanh các dịch vụ nhỏ lẻ như nhà hàng, quán ăn, quán cà phê, hiệu làm đẹp,... nên mục đích chính khi học tiếng Việt là để có thể chủ động trong giao tiếp với người Việt Nam, hỗ trợ cho việc kinh doanh của mình, mở rộng mạng lưới khách hàng người Việt. Vì vậy, chỉ cần truyền đạt những cấu trúc ngữ pháp cơ bản thông dụng, dễ nhớ, dễ vận dụng nhất trong giao tiếp (chủ yếu là nghe và nói), trong cuộc sống, đặc biệt trong lĩnh vực phục vụ cho công việc kinh doanh của họ.

3.3. Dạy ngữ pháp tiếng Việt cho nhóm có thân nhân làm việc tại Việt Nam

Vì chủ yếu là cha mẹ, vợ/chồng, con hoặc anh chị em của những người đang làm việc tại Việt Nam, nên mục đích học tiếng Việt của họ chỉ là nhu cầu giao tiếp thiết yếu trong đời sống hàng ngày, giúp cho cuộc sống của họ ở Việt Nam trở nên dễ dàng hơn. Vậy nên, cần chú trọng các cấu trúc ngữ pháp đơn giản có thể sử dụng trong đời sống hàng ngày, khi đi du lịch, khuyến khích họ luyện tập thực hành thường xuyên hai kỹ năng nghe - nói theo tình huống trên lớp, hoặc đưa họ đi thực hành trong thực tế giao tiếp ngoài xã hội.

3.4. Dạy ngữ pháp tiếng Việt cho nhóm khách du lịch tại Việt Nam

Với nhóm người này, vì mục đích khám phá danh thắng, ẩm thực và văn hóa Việt Nam, nên phương pháp giảng dạy ngữ pháp hiệu quả nhất là phương pháp giao tiếp, và một số dạng ngữ pháp phù hợp nhất cho du lịch, như các cấu trúc trong tình huống hỏi về địa điểm, một số trạng từ chỉ vị trí (ở đâu? Trên/dưới/trong/ngoài,...); hỏi về các phương tiện giao thông, thời gian và phí phải trả (đi bằng gì? mất bao lâu? hết bao nhiêu tiền?); hỏi về giá cả, số lượng để mua bán với các đại từ nghi vấn mấy? bao nhiêu? với 3 loại từ cơ bản cái/con/quả (cái này bao nhiêu tiền? Mua mấy cái/quả/con?); hỏi về món ăn, giá cả món ăn (đây là món gì? Bao nhiêu tiền?);...

4. Kết luận

Trong việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, ngữ pháp thực sự giữ một vai trò quan trọng - là những khuôn mẫu ứng dụng vốn từ vựng tiếng Việt một cách linh hoạt và sống động trong giao tiếp.

Mặc dù có nhiều phương pháp giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài học tiếng Việt như một ngoại ngữ, song, việc tìm hiểu và phân loại đối tượng học tiếng Việt sẽ giúp cho người giảng dạy ngữ pháp

tiếng Việt nói riêng, tiếng Việt nói chung có thể thiết kế được lộ trình học tập cũng như kết quả đầu ra tốt nhất cho người học sau khi kết thúc khóa học, nhờ việc nắm được mục đích học tiếng Việt của từng nhóm đối tượng để lựa chọn tài liệu dạy phù hợp, các cấu trúc ngữ pháp phù hợp mang tính ứng dụng thực tế giao tiếp cao với phương pháp truyền đạt hiệu quả. Từ đó ứng dụng thực tiễn vào việc biên soạn và sử dụng *Sổ tay Ngữ pháp tiếng Việt thực hành dành cho người nước ngoài học tiếng Việt* nhằm đạt được hiệu quả cao trong công việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài học tiếng Việt như một ngoại ngữ.

Bài viết đề cập đến một số phương pháp giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt theo mục đích cho người nước ngoài, từ đó ứng dụng thực tiễn vào việc biên soạn và sử dụng *Sổ tay*

*Ngữ pháp tiếng Việt thực hành dành cho người nước ngoài học tiếng Việt*¹.

CHÚ THÍCH

¹ Đề tài cấp Cơ sở do ThS. Trịnh Thị Thu Hiền làm Chủ nhiệm, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam là Tổ chức chủ trì, thực hiện năm 2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hồng Cồn, “Dạy ngữ pháp tiếng Việt như một ngoại ngữ theo phương pháp giao tiếp”, *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 9, 2012.
- [2] Phan Văn Giưỡng, *Sổ tay giảng dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai (từ lý thuyết đến thực hành)*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, 2009.
- [3] Dư Ngọc Ngân, “Giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, Số 31, 2011.
- [4] Trần Thanh Linh, “Giảng dạy từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, Số 6, 2013.
- [5] Richards, J. C., and Rodgers, T. S., *Approaches and Methods in Language Teaching - A Description and Analysis*, Cambridge University Press, Cambridge, 1999.

⇒ Tiếp theo trang 123 (CẤU TRÚC THỂ LOẠI THƯ KHUYẾN MẠI...)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Al-Shujairi, Y. B. J., Tan, H., Abdullah, A. N., Nimehchisalem, V., & Imm, L. G., “Lexical bundles in the Discussion section moves of high impact medical research articles”, *Pertanika Journal of Social Sciences & Humanities*, Vol. 28(3), pp. 2034-2061, 2020.
- [2] Bruce, I., “Cognitive genre structures in Methods sections of research articles: A corpus study”, *Journal of English for Academic Purposes*, Vol. 7(1), pp. 38-54, 2008.
- [3] Harris, Z. S., “Discourse Analysis”, *Language*, Vol. 28(1), pp. 1-80, 1952.
- [4] Johns, Ann M., *Text, Role, and Context: Developing Academic Literature*, Cambridge University Press, Cambridge, 1997.
- [5] Paltridge, B., *Genre, frames and writing in research setting*, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam/Philadelphia, 1997.
- [6] Swales, J., *Genre analysis*, Cambridge University Press, Cambridge, 1990.
- [7] Swales, J., *Research genres*, Cambridge University Press, Cambridge, 2004.
- [8] Vijay K. Bhatia., *Analysing Genre, Language Use in Professional Settings*, Longman, London, 1993.
- [9] Yang, R., & Allison, D., “Research articles in applied linguistics: Moving from results to conclusions”, *English for Specific Purposes*, Vol. 22(4), pp. 149-385, 2003.
- [10] Zhu Yunxia, “A Rhetorical Analysis of Chinese Sales Letters”, *Text* 17 (4), pp. 543-66, 1997.
- [11] <https://www.woolworthsgroup.com.au>.
- [12] <https://www.wesfarmers.com.au>
- [13] <https://www.fonterra.com/sea/en.html>
- [14] <https://fletcherbuilding.com>
- [15] <https://www.ocbc.com/group/gateway>
- [16] <https://www.sc.com/sg/>